

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/10/2018.

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Phú Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Nguyệt.

2. Ông Mai Thế Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2018/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 về việc: “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HPT và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 28/2018/TB-TA, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Thanh P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 2, xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận;

2. *Bị đơn:* Chị Võ Thị Bích N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 8, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.(vắng mặt không có lý do)

3. *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Cháu Lê Mỹ Q, sinh ngày 17/12/ 2008 và cháu Lê Mỹ Q, sinh ngày 16/6/2011. Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Lê Thanh P trình bày:

Về hôn nhân: Anh đăng ký kết hôn với chị Võ Thị Bích N tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào ngày 19/7/2007 (Giấy đăng ký số 90 /2007). Sau khi kết hôn vợ chồng sống không có hạnh phúc; do bất đồng trong quan điểm sống và chị N không chung thủy nên thường hay xảy ra cãi vã, bất hòa; đến năm 2017 chị N đã bỏ nhà

đi, không về thăm lo cho chồng con và ly thân từ đó đến nay. Nay anh P xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn nên anh xin ly hôn với chị N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Mỹ Q, sinh ngày 17/12/ 2008 và cháu Lê Mỹ Q, sinh ngày 16/6/2011; khi ly hôn anh P yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản: Anh P không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Võ Thị Bích N vắng mặt không có lý do nhưng trong quá trình xét xử, bị đơn có ý kiến:

Về hôn nhân: Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Lê Thanh P trình bày là đúng. Chị thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng; chung sống với nhau nhưng không có hạnh phúc, anh P ham chơi cờ bạc, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không có sự chung thủy trong hôn nhân dẫn đến vợ chồng luôn mâu thuẫn; chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng ly thân khoảng một năm nay. Nay anh P xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Q và cháu Q như anh P trình bày. Nếu ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho 01 người con, mỗi tháng là 4.000.000đ.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1]. *Về hôn nhân:* Hôn nhân của anh Lê Thanh P và chị Võ Thị Bích N là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên dẫn đến cãi vã, bất đồng, không tôn trọng, tin tưởng và nhường nhịn lẫn nhau, anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay P và chị N cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh P và chị N thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Về nuôi con chung:* Anh P và chị Nguyệt có 02 con chung. Anh P đang nuôi hai cháu từ tháng đầu năm 2017 đến nay, thời gian anh P nuôi con thì hai cháu Q và Q được học tập, chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt, có nơi sinh sống ổn định tại Thôn 2, xã G, huyện T, anh P có nghề nghiệp thu nhập ổn định nên có điều kiện nuôi con tốt hơn so với chị N; ngoài ra, nguyện vọng của hai cháu đều muốn được sống với anh P; nên cần giao hai cháu cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về chia tài sản:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. *Về án phí:* Anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Thanh P và chị Võ Thị Bích N.

2. *Về con chung:* Giao con chung Lê Mỹ Q, sinh ngày 17/12/ 2008 và Lê Mỹ Q, sinh ngày 16/6/2011 cho anh Lê Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Võ Thị Bích N không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở

3. *Về chia tài sản:* Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Lê Thanh P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh P đã nộp theo Biên lai số N 0012791 ngày 15/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã G;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Phú Phước